

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MINH AN PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MINH AN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH AN PHAT DEVELOP AND INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108876836

3. Ngày thành lập: 23/08/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 17 Ngõ 145/93 Đường Cổ Nhuế, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
9.	Trồng cây hàng năm khác	0119
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
12.	Trồng cây điều	0123
13.	Trồng cây hồ tiêu	0124
14.	Trồng cây cao su	0125
15.	Trồng cây cà phê	0126
16.	Trồng cây chè	0127
17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
18.	Trồng cây lâu năm khác	0129
19.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
20.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
21.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
22.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142

23.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
24.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
25.	Chăn nuôi gia cầm	0146
26.	Chăn nuôi khác	0149
27.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
28.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
29.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
30.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
31.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
32.	Khai thác gỗ	0220
33.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
34.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
35.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
36.	Khai thác thủy sản biển	0311
37.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
38.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
39.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
40.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
41.	Khai thác và thu gom than non	0520
42.	Khai thác dầu thô	0610
43.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
44.	Khai thác quặng sắt	0710
45.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
46.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
47.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
48.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
49.	Khai thác muối	0893
50.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
53.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
54.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
55.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
56.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
57.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
58.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
59.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
60.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
61.	Sản xuất đường	1072

62.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
63.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
64.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
65.	Sản xuất chè	1076
66.	Sản xuất cà phê	1077
67.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
68.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
69.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
70.	Sản xuất rượu vang	1102
71.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
72.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
73.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
74.	Sản xuất sợi	1311
75.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
76.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
77.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
78.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
79.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
80.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
81.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
82.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
83.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
84.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
85.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
86.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
87.	Sản xuất giày, dép	1520
88.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
89.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
90.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
91.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
92.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
93.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
94.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
95.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
96.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
97.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
98.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029

99.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
100.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
101.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4513
102.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
103.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4530
104.	Bán mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4541
105.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
106.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4543
107.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
108.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
109.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
110.	Bán buôn thực phẩm	4632
111.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
112.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
113.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
114.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
115.	Bán buôn đồ uống	4633
116.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
117.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
118.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
119.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
120.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
121.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
122.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782

123.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn thuốc; Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
124.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thuốc Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
125.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
126.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
127.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
128.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
129.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
130.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
131.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
132.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
133.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng nguyên liệu và vàng miếng)	4662

134.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
135.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
136.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
137.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
138.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
139.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
140.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
141.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
142.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
143.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
144.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
145.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng và vàng nguyên liệu, Trừ bán lẻ súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
146.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619(Chính)
147.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 150.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM QUANG TÙNG

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 15/06/1991

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 173253485

Ngày cấp: 09/08/2012

Nơi cấp: *Công An Thanh Hóa*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Làng Đa Hậu, Xã Tượng Văn, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Làng Đa Hậu, Xã Tượng Văn, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM QUANG TÙNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 15/06/1991

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 173253485

Ngày cấp: 09/08/2012

Nơi cấp: *Công An Thanh Hóa*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Làng Đa Hậu, Xã Tượng Văn, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Làng Đa Hậu, Xã Tượng Văn, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội